

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2020/DS-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Quý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/TB-TLVA ngày 25/6/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2020/QĐXXST-DS ngày 06/8/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 216/2020/QĐST-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Linh Đ, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 373 đường C, khu phố X, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 10 đường L, khu phố y, phường L, quận T

Địa chỉ tạm trú: 177/25 đường L, khu phố z, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Linh Đ trình bày:*

Vào ngày 06/7/2016 bà cho bà Nguyễn Phương T vay số tiền 700.000.000 đồng, không có thỏa thuận về lãi suất, không có thời hạn vay. Sau đó bà tiếp tục cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng (không có giấy tờ). Ngày 20/5/2020 bà đã ra thông báo yêu cầu bà T trả lại số tiền đã vay cho bà nhưng bà T vẫn không thực hiện. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Phương T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 850.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 11/6/2020 là 280.00.000 đồng; tổng cộng số tiền là 1.130.000.000 đồng.

Tuy nhiên đối với số tiền 150.000.000 đồng không có giấy tờ vay mượn giữa đôi bên và số tiền lãi tạm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 11/6/2020 là 280.00.000 đồng bà

rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết; chỉ yêu cầu bà Nguyễn Phương T trả lại cho bà số nợ gốc là 700.000.000 đồng. Số tiền bà cho bà T vay là của riêng bà không liên quan đến người khác.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Phương T (vắng mặt không có lời khai):*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 700.000.000 đồng là có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Đối với số tiền 150.000.000 đồng không có giấy tờ vay mượn giữa đôi bên và số tiền lãi tạm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 11/6/2020 là 280.00.000 đồng nguyên đơn rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Phương T có địa chỉ tại số 10 đường L, khu phố y, phường L, quận T và địa chỉ số 177/25 đường L, khu phố z, phường L, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 11/6/2020 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà Trương Thị Linh Đ, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn bà Nguyễn Phương T đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như. Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa bà Trương Thị Linh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn

phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay có vốn gốc là 700.000.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền – thế chấp ngày 06/7/2016 có nội dung: “... tôi tên Nguyễn Phương T, nay tôi có mượn của chị Đ số tiền là 700.000 đồng ...”.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Phương T vắng mặt (không có lý do) cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ như sau: Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá, khách quan, toàn diện, về chứng cứ mà bà Đ cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể là giấy mượn tiền 06/7/2016 là hợp pháp; tài liệu, chứng cứ do bà Đ cung cấp để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là có thật. Do đó, căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; thì việc bà Đ đang khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền gốc là 700.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2]. Về số tiền vay là 150.000.000 đồng (không có giấy tờ) và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 11/6/2020 là 280.00.000 đồng; ngày 09/9/2020 nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả nợ số nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi là 280.00.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội; nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc bà Trương Thị Linh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Phương T trả lại số tiền gốc 700.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 32.000.000 đồng; bà T phải chịu.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Linh Đ tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Phương T phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Linh Đ số tiền vay nợ là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Linh Đ đối với bà Nguyễn Phương T về việc yêu cầu bà T trả nợ số tiền vay nợ là 150.000.000 đồng (không có giấy tờ) và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày 11/6/2020 là 280.000.000 đồng; tổng cộng số tiền là 430.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng bà Nguyễn Phương T phải chịu; hoàn trả lại cho bà Trương Thị Linh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.950.000 (hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057291 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Công Tình**